

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 1

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5**Bộ sách: Chân trời sáng tạo***Thời gian làm bài: 40 phút***I. TRẮC NGHIỆM** (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Số gồm 0 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 9 phần nghìn viết là:

- A. 9 340 B. 0,934 C. 4,39 D. 0,439

Câu 2. Giá trị của chữ số 9 trong số 235,869 là:

- A. $\frac{9}{10}$ B. $\frac{9}{100}$ C. $\frac{9}{1000}$ D. $\frac{9}{10000}$

Câu 3. Trên một tấm bản đồ, khoảng cách giữa hai điểm A và B là 15cm. Khoảng cách này trên thực tế là 300km. Hỏi bản đồ này được vẽ theo tỉ lệ nào?

- A. 1 : 20 000 B. 1 : 200 000 C. 1 : 20 000 000 D. 1 : 2 000 000

Câu 4. Kết quả của phép tính $765,9 \times 0,001$ là:

- A. 7,659 B. 765 900 C. 0,7659 D. 7 659 000

Câu 5. Bác Nam đóng một mặt bàn gỗ hình tròn có đường kính bằng 75 cm. Chu vi của mặt bàn đó là:

- A. 235,5 cm B. 471 cm C. 117,75 D. 415,25

Câu 6. Có 168 lít dầu được chia đều vào 35 can. Hỏi 24 can dầu như thế có tất cả bao nhiêu lít dầu?

- A. 192 lít B. 112,5 lít C. 108 lít D. 115,2 lít

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính

a) $658,3 + 96,28$

b) $93,813 - 46,47$

c) $37,14 \times 82$

d) $308 : 5,5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $7,68 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

b) $8,02 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

c) 3 tấn 7 yến = $\dots\dots\dots$ tấn

d) 2 ha 150 $\text{m}^2 = \dots\dots\dots$ ha

Câu 3. Hai thùng dầu chứa tổng cộng 126 lít. Biết số dầu ở thùng thứ nhất bằng $\frac{5}{2}$ số dầu ở thùng thứ hai. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

.....
.....
.....
.....

Câu 4. Một thửa ruộng dạng hình thang có độ dài 2 đáy là 18 m và 32 m; chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, cứ 1m^2 thu hoạch được 1,2 kg thóc. Hỏi:

a) Trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

b) Nếu mỗi ki-lô-gam thóc có giá 14 200 đồng thì bán hết lượng thóc đó người ta thu được bao nhiêu tiền?

.....
.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số gồm 0 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 9 phần nghìn viết là:

- A. 9 340 B. 0,934 C. 4,39 D. 0,439

Phương pháp

Để viết số thập phân, ta viết phần nguyên, dấu phẩy, rồi viết phần thập phân.

Lời giải

Số gồm 0 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 9 phần nghìn viết là: 0,439

Đáp án: D

Câu 2. Giá trị của chữ số 9 trong số 235,869 là:

- A. $\frac{9}{10}$ B. $\frac{9}{100}$ C. $\frac{9}{1000}$ D. $\frac{9}{10000}$

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 9 rồi xác định giá trị của chữ số đó trong số đã cho.

Lời giải

Chữ số 9 trong số 235,869 thuộc hàng phần nghìn nên có giá trị là $\frac{9}{1000}$.

Đáp án: C

Câu 3. Trên một tấm bản đồ, khoảng cách giữa hai điểm A và B là 15cm. Khoảng cách này trên thực tế là 300km. Hỏi bản đồ này được vẽ theo tỉ lệ nào?

- A. 1 : 20 000 B. 1 : 200 000 C. 1 : 20 000 000 D. 1 : 2 000 000

Phương pháp

- Đổi 300 km sang đơn vị cm

- Tỉ lệ bản đồ = khoảng cách trên bản đồ : khoảng cách thực tế

Lời giải

Đổi: 300 km = 30 000 000 cm

Tỉ lệ bản đồ là: $15 : 30\,000\,000 = 1 : 2\,000\,000$

Đáp án: D

Câu 4. Kết quả của phép tính $765,9 \times 0,001$ là:

- A. 7,659 B. 765 900 C. 0,7659 D. 7 659 000

Phương pháp

Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

Ta có $765,9 \times 0,001 = 0,7659$

Đáp án: C

Câu 5. Bác Nam đóng một mặt bàn gỗ hình tròn có đường kính bằng 75 cm. Chu vi của mặt bàn đó là:

- A. 235,5 cm B. 471 cm C. 117,75 D. 415,25

Phương pháp

Chu vi hình tròn = đường kính \times 3,14

Lời giải

Chu vi của mặt bàn đó là: $75 \times 3,14 = 235,5$ (cm)

Đáp án: A

Câu 6. Có 168 lít dầu được chia đều vào 35 can. Hỏi 24 can dầu như thế có tất cả bao nhiêu lít dầu?

- A. 192 lít B. 112,5 lít C. 108 lít D. 115,2 lít

Phương pháp

- Tìm số lít dầu trong mỗi can

- Tìm số lít dầu trong 24 can

Lời giải

Số lít dầu trong mỗi can là: $168 : 35 = 4,8$ (lít)

24 can dầu như thế có tất cả số lít dầu là: $4,8 \times 24 = 115,2$ (lít)

Đáp án: D**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Đặt tính rồi tính

a) $658,3 + 96,28$

b) $93,813 - 46,47$

c) $37,14 \times 82$

d) $308 : 5,5$

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo quy tắc đã học

Lời giải

$$\begin{array}{r} \text{a) } 658,3 \\ + 96,28 \\ \hline 754,58 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b) } 93,813 \\ - 46,47 \\ \hline 47,343 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } 37,14 \\ \times 82 \\ \hline 74,28 \\ 2971,2 \\ \hline 3045,48 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } 3080 \overline{) 5,5} \\ \underline{330} \\ 00 \end{array}$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) $7,68 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

b) $8,02 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

c) 3 tấn 7 yến = tấn

d) 2 ha 150 m² = ha

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1m² = 10 000 cm² ; 1 km² = 100 ha

$$1 \text{ yến} = \frac{1}{100} \text{ tấn} ; 1 \text{ m}^2 = \frac{1}{10000} \text{ ha}$$

Lời giải

a) 7,68 m² = **76 800** cm²

b) 8,02 km² = **802** ha

c) 3 tấn 7 yến = **3,07** tấn

d) 2 ha 150 m² = **2,015** ha

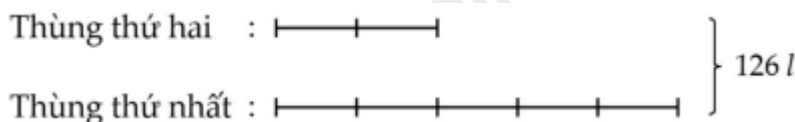
Câu 3. Hai thùng dầu chứa tổng cộng 126 lít. Biết số dầu ở thùng thứ nhất bằng $\frac{5}{2}$ số dầu ở thùng thứ hai. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

Phương pháp

- Vẽ sơ đồ
- Tìm tổng số phần bằng nhau
- Tìm giá trị của 1 phần
- Tìm số lít dầu ở mỗi thùng

Lời giải

Ta có sơ đồ:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 5 = 7 \text{ (phần)}$$

Thùng thứ hai có số lít dầu là:

$$126 : 7 \times 2 = 36 \text{ (lít)}$$

Thùng thứ nhất có số lít dầu là:

$$126 - 36 = 90 \text{ (lít)}$$

Đáp số: Thùng thứ nhất 90 lít; thùng thứ hai 36 lít.

Câu 4. Một thửa ruộng dạng hình thang có độ dài 2 đáy là 18 m và 32 m; chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, cứ 1m² thu hoạch được 1,2 kg thóc. Hỏi:

a) Trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

b) Nếu mỗi ki-lô-gam thóc có giá 14 200 đồng thì bán hết lượng thóc đó người ta thu được bao nhiêu tiền?

Phương pháp

a) Tìm chiều cao của thửa ruộng = (đáy lớn + đáy bé) : 2

Tìm diện tích thửa ruộng = (đáy lớn + đáy bé) x chiều cao : 2

Tìm số kg thóc thu hoạch được = Diện tích x 1,2

b) Tìm số tiền thu hoạch được = Giá tiền của mỗi kg thóc x số kg thóc thu hoạch được

Lời giải

a) Chiều cao của thửa ruộng đó là:

$$(18 + 32) : 2 = 25 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng đó là:

$$(32 + 18) \times 25 : 2 = 625 \text{ (m}^2\text{)}$$

Trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được số ki-lô-gam thóc là:

$$1,2 \times 625 = 750 \text{ (kg)}$$

$$\text{Đổi: } 750 \text{ kg} = 7,5 \text{ tạ}$$

b) Người ta thu được tất cả số tiền là:

$$14\,200 \times 750 = 10\,650\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: a) 7,5 tạ

b) 10 650 000 đồng